TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MS** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82/2023/QĐST-HNGĐ	*MS, ngày 28 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 37, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, Mễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 119/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân* sự: Anh Lò Văn M, sinh năm: 1990, nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản P, xã PP, huyện MS, tỉnh Sơn La và chị Cầm Thị Đ, sinh năm 1990, nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản PS, xã MC, huyện MS, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Anh Lò Văn M và chị Cầm Thị Đ kết hôn với nhau từ năm 2009. Việc kết hôn là do cả hai cùng tự nguyện, không bị ai ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MC, huyện MS, tỉnh Sơn La vào ngày 01/6/2009 (số 25) và có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh M hay đi tụ tập uống rượu cùng bạn bè không quan tâm đến gia đình, vợ con. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải cho nhưng không thành. Anh chị sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai anh chị đều nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình cho ly hôn. Tại phiên

hòa giải, anh M và chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh M và chị Đ.

[2] Về con chung:

Anh M, chị Đ có 03 con chung là cháu Lò Thị Ng, sinh ngày 05/5/2010, cháu Lò Thị A, sinh ngày 05/10/2012 và cháu Lò Văn D, sinh ngày 13/4/2015. Anh M, chị Đ thống nhất: Giao cả ba cháu Lò Thị N, Lò Thị A và Lò Văn D cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu N, A, D trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M do anh M không yêu cầu.

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc không phải cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, phù hợp với điều kiện của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi nên đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh M, chị Đ khai thống nhất không có tài sản chung, nợ chung.

[4] Về lệ phí tòa án: Chị Đ phải chịu tiền lệ phí ly hôn theo quy định. Anh M được miễn tiền lệ phí ly hôn do là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn M và chị Cầm Thị Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao cháu Lò Thị Nga, sinh ngày 05/5/2010, cháu Lò Thị Anh, sinh ngày 05/10/2012 và cháu Lò Văn Dung, sinh ngày 13/4/2015 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Lò Thị Nga, Lò Thị Anh và Lò Văn Dung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M do anh M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị Đ được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị Đ thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.
- Về các vấn đề khác: Không có

2. Về lệ phí Tòa án:

Chị Đ phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 150.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0002377 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Chị Đ được nhận lại số tiền 150.000 VNĐ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS.

Anh Lò Văn M được miễn lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- UBND xã MC;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh